

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Ngọc Đăng

Bà Trần Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Chi M, sinh năm 1978; địa chỉ: số I, đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- **Bị đơn:** ông Lê T, sinh năm 1968; địa chỉ: E N T, Chicago I, USA (Hoa Kỳ). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đến ngày 02 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Chi M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Chi M và ông Lê T đăng ký kết hôn ngày 26/8/2019 tại Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau một thời gian chung sống thì ông T sang Mỹ làm việc, từ đó đến nay, khoảng cách địa lý

xa xôi, ít có thời gian liên lạc nên bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Chi M xác định bà và ông Lê T không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Chi M xác định bà và ông Lê T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Chi M xác định bà và ông Lê T không có nợ chung.

** Tại Đơn xin ly hôn có xác nhận của Văn phòng C (tại Hoa Kỳ), gửi đến Tòa án ngày 15/01/2025, bị đơn ông Lê T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê T xác nhận, ông và bà Nguyễn Chi M đăng ký kết hôn ngày 26/8/2019 tại Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng. Sau một thời gian chung sống thì ông T sang Mỹ làm việc, từ đó đến nay, khoảng cách địa lý xa xôi nên tình cảm nhạt nhòa. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông Lê T xác định ông và bà Nguyễn Chi M không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Lê T xác định ông và bà Nguyễn Chi M không có tài sản chung và nợ chung

Do điều kiện công việc không thể về Việt Nam, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Chi M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà đối với ông Lê Tony.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Nguyễn Chi M đối với ông Lê Tony .

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Chi M được ly hôn với ông Lê Tony.

- Về con chung: Bà Nguyễn Chi M và ông Lê T xác định không có con chung, nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Chi M và ông Lê T xác định không có tài sản chung hay nợ chung, nên không đề cập đến.

- Án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng bà Nguyễn Chi M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Chi M, địa chỉ: số I, đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và ông Lê T, địa chỉ: E N T, Chicago I, USA (Hoa Kỳ) nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà Nguyễn Chi M và bị đơn ông Lê T, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng làm hồ sơ ủy thác tư pháp cho Bộ Tư pháp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ N và Tòa án nhân dân tối cao quy định về quy trình, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự đối với ông Lê Tony .

Ngày 18/03/2024, Bộ Tư pháp đã có Công hàm số: 633/CH-BTP gửi Công ty A (Hoa Kỳ) hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với ông Lê Tony.

Ngày 15/01/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được đơn xin ly hôn của ông Lê T đối với bà Nguyễn Chi M và đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Chi M và ông Lê T đăng ký kết hôn ngày 26/08/2019 tại Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Nguyễn Chi M và ông Lê T đều xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, là do khoảng cách địa lý, ít có thời gian liên lạc, tình cảm phai nhạt và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Chi M thấy: Hiện nay, bà M và ông T mỗi người sống mỗi nơi, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân ông T cũng yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Chi M và ông Lê T xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Chi M và ông Lê T xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Chi M và ông Lê T xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Chi M phải chịu.

[4] Về Chi phí Ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Nguyễn Chi M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 228; Điều 469; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Ly hôn*” của bà Nguyễn Chi M đối với ông Lê Tony .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Chi M được ly hôn với ông Lê Tony .

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Chi M phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001347 ngày 03/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Chi M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

3.1. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài, bà Nguyễn Chi M phải chịu là 95 USD. Bà Nguyễn Chi M đã nộp đủ chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo Giấy nộp tiền ngày 09/01/2024 tại Ngân hàng A1 chi nhánh thành phố Đ.

3.2. Về lệ phí ủy thác tổng đạt, bà Nguyễn Chi M phải chịu 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0001353 cùng ngày 09/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Chi M đã nộp đủ lệ phí ủy thác tổng đạt.

4. Về chi phí dịch thuật, bà Nguyễn Chi M phải chịu 1.380.000 đồng. Bà Nguyễn Chi M đã nộp đủ phí dịch thuật theo Biên lai dịch thuật ngày 26/01/2024 của Hệ thống dịch thuật A2Z.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Chi M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ

ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng